

Bản án số: **99/2021/KDTM-PT**
Ngày 25/5/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Lê Thúy Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên

Trong các ngày 20, 25/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 273/2020/TLPT-KDTM ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2020/KDTM-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 190/2021/QĐ-PT ngày 12/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2021/QĐ-PT ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng M

Địa chỉ cũ: phường C, quận Đ, thành phố Hà Nội

Địa chỉ mới: phường T, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty M. Địa chỉ: phố P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn P – Tổng

Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quốc T – Phó Tổng Giám đốc. Ủy quyền lại cho: Bà Đinh Thị L – Phó Giám đốc TTXLN.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Đức H – Chuyên viên xử lý nợ; Ông Quách Mạnh Q – Trưởng phòng quản lý Thu hồi nợ Miền Bắc; Ông Phạm Duy A – Chuyên viên xử lý nợ; Ông Nguyễn Văn O – Chuyên viên xử lý nợ. Cùng địa chỉ: phố P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội; ông A và ông O có mặt tại phiên tòa

-Bị đơn: Công ty S

Địa chỉ: xã Đặng X, huyện G, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu H – Giám đốc. Địa chỉ: thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội; bà H có mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thành Đ và ông Hồ Xuân Q. Địa chỉ: quận T, thành phố Hà Nội; ông Đ và ông Q có mặt

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975; bà H có mặt

2. Cháu Sun H, sinh năm 2010. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu H, là mẹ đẻ; có mặt

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thu H: Ông Khuất Hữu Vũ T, Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; ông Trung có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/10/2018 Ngân hàng M – Chi nhánh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty S (sau đây gọi tắt là bên vay) đã cùng ký kết Hợp đồng cho vay số: 35149.18.742.2894120.TD. Khế ước nhận nợ LD1901812584, ngày 18/1/2019 số tiền vay 5.722.222.520 đồng, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 8% năm; Khế ước nhận nợ LD1906485040, ngày 05/3/2019, lãi suất 8% năm, số tiền vay 9.788.389.500 đồng, thời hạn vay 02 tháng. Mục đích vay thanh toán LC. Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi trong hạn. Tài sản để bảo đảm cho hai khoản vay trên là Hợp đồng thế chấp: Toàn bộ QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại

thửa đất số T3, tờ bản đồ số: Lô đất D1, diện tích 133,0m², địa chỉ: thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội, GCN QSDĐ số CD 902475, vào sổ cấp GCN số CS-GL20468 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/04/2016 cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Tính đến ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 24/9/2020 bên vay đã trả được cho Ngân hàng cụ thể:

-Khế ước nhận nợ LD1901812584, ngày 18/1/2019 số tiền vay 5.722.222.520 đồng. Trả gốc là 5.722.222.520 đồng; lãi trong hạn là 73.996.959 đồng đã trả 73.996.959 đồng; lãi quá hạn là: 145.223.822 đồng đã trả 131.227.365 đồng, còn nợ là: 13.996.457 đồng;

-Khế ước nhận nợ LD1906485040, ngày 05/3/2019, số tiền vay 9.788.389.500 đồng. Trả gốc là 4.050.563.683 đồng, còn nợ 5.737.825.817 đồng; lãi trong hạn là 134.266.311 đồng đã trả 133.014.828 đồng, còn nợ: 1.251.483 đồng; lãi quá hạn là: 1.118.875.548 đồng đã trả 115.851.624 đồng, còn nợ là: 1.003.023.924 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là: 6.742.101.224 đồng.

Như vậy, số nợ bên vay còn nợ Ngân hàng của hai khế ước trên là: 13.996.457 đồng + 6.742.101.224 đồng = 6.756.097.681 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bên vay trả số tiền trên, bên vay tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày bên vay thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng; trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm nói trên để thu hồi toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng; toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 02/10/2018, Ngân hàng M – Chi nhánh Hưng Yên và Công ty S đã cùng ký kết Hợp đồng tín dụng số 35149.18.742.2894120.TD cùng các khế ước nhận nợ số LD1901812584 ngày 18/01/2019 và LD1906485040 ngày 05/03/2019. Tổng số tiền vay là: 15.510.612.020 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ tín dụng của Công ty S gồm: Toàn bộ QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số T3, tờ bản đồ số: Lô đất D1, diện tích 133,0m², địa chỉ: Khu đấu giá 31ha, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà

Nội, GCN QSDĐ số CD 902475, vào sổ cấp GCN số CS-GL02468 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/04/2016 cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 27/11/2019 Công ty S đã trả được số tiền 10.226.870.013 đồng (trong đó: nợ gốc là 9.772.786.203 đồng, nợ lãi là 454.083.810 đồng).

Số nợ còn lại hiện nay Công ty không có khả năng trả nợ, bà H có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án đòi trừ công nợ giữa Công ty S với Ngân hàng M: lý do Ngân hàng M đang giữ của Công ty S theo Hợp đồng khung nhận, thực hiện lệnh mua bán hợp đồng tiêu chuẩn về phái sinh hàng hóa số CBOT 312 ngày 15/3/2018. Đồng thời đề nghị Ngân hàng miễn lãi phạt cho Công ty.

Bà H còn đề nghị Tòa án đưa ông Sun J là chồng của bà tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2020/KDTM-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các điều 117, 119, 317, 320, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/07/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016;

Căn cứ điều 13, 18 Thông tư số 39/2016/TTNHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/1/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng M.

1. Buộc Công ty S trả cho Ngân hàng M toàn bộ số tiền gốc và lãi đến ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/9/2020 là 6.460.181.872đ (trong đó gốc là 5.565.946.451đ + lãi quá hạn 894.235.421đ).

2. Kể từ ngày 25/9/2020 Công ty S phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất 6.5%/năm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Toàn bộ QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số T3, tờ bản đồ số: Lô đất D1, diện tích 133,0m², địa chỉ: Khu đấu giá 31ha, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà Nội, GCN QSDĐ số CD 902475, vào sổ cấp GCN số CS-GL02468 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/04/2016 cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

4. Số tiền Ngân hàng không được chấp nhận là 295.915.809đ.

5. Về án phí: Công ty S phải chịu 114.460.182đ án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng phải chịu 14.795.790đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 57.093.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005010 ngày 03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, Thành phố Hà nội, hoàn trả lại Ngân hàng 42.297.210đ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng M, bị đơn là Công ty S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn kháng cáo với lý do án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 6,5%/năm là không đúng, đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất 8% theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng:

-Không đưa chồng bà Nguyễn Thị Thu H là ông Sun J (người có quốc tịch Trung Quốc) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông đối với ngôi nhà 3 tầng được xây dựng trên thửa đất sau khi ký hợp đồng thế chấp.

- Không thụ lý yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H có nội dung đề nghị Ngân hàng đối trừ công nợ do Ngân hàng đang giữ của bị đơn 14.400.000.000 đồng theo hợp đồng khung nhận, thực hiện lệnh mua bán hợp đồng tiêu chuẩn về phái sinh hàng hóa số CBOT 312 ngày 15/3/2018.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên như sau: “Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án là Công ty S phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc”.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Ngân hàng M với Công ty S phát sinh từ hợp đồng cho vay số 35149.18.742.2894120.TD giữa hai chủ thể có tư cách pháp nhân và đều có mục đích sinh lợi, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[2.1] - Ngày 02/10/2018 Ngân hàng M chi nhánh Hưng Yên và Công ty S ký hợp đồng cho vay số 35149.18.742.2894120.TD được thể hiện qua hai khế ước nhận nợ LD1901812584 ngày 18/01/2019 số tiền vay là 5.722.222.520 đồng, thời hạn vay 2 tháng, lãi suất 8%/năm và khế ước nhận nợ LD 1906485040 ngày 05/03/2019 số tiền vay 9.788.389.500 đồng, thời hạn vay 2 tháng, lãi suất 8%/năm.

Toàn bộ số tiền vay trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 83589.16.742.2894120.BĐ ký ngày 08/11/2016 giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Ngân hàng M chi nhánh Hưng Yên là thửa đất số T3, tờ bản đồ số: Lô đất D1, diện tích: 133,0m² tại địa chỉ: Khu đấu giá 31ha, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 902475, sổ vào sổ cấp GCN: CS-GL 02468 ngày 27/4/2016 cho bà Nguyễn Thị Thu H.

Sau khi thế chấp, cuối năm 2016 và năm 2017 vợ chồng bà H đã xây dựng một ngôi nhà 3 tầng trên thửa đất thế chấp.

Bà H kết hôn với ông Sun J (quốc tịch Trung Quốc) ngày 12/5/2009, hiện ông Sun J đang ở tại địa chỉ Ont, Canada, M3N 2C2.

Ngày 06/3/2020 ông Sun J có đơn gửi Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xác định quyền sử dụng đất và ngôi nhà 3 tầng là tài sản có sự đóng góp của ông, riêng tiền xây dựng ngôi nhà 3 tầng là của ông 100%.

Ngày 09/3/2020 ông Sun J có đơn xin tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và có Đơn yêu cầu độc lập với nội dung đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu, xác định toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số T3, tờ bản đồ số lô đất D1, diện tích 133,0m², địa chỉ khu đấu giá 31 ha, thị trấn T, huyện G, thành phố Hà Nội là tài sản của riêng ông.

Án sơ thẩm không đưa ông Sun J vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 68; Điều 73; Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tuyên: “Trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Toàn bộ QSDĐ và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số T3, tờ bản đồ số: Lô đất D1, diện tích 133,0m², địa chỉ: Khu đấu giá 31ha, thị trấn T, huyện G, Thành phố Hà Nội, GCN QSDĐ số CD 902475, vào sổ cấp GCN số CS-GL02468 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/04/2016 cho bà Nguyễn Thị Thu H” là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Sun J. Bởi lẽ ngôi nhà 3 tầng được xây dựng trên thửa đất đã thế chấp sau khi ký hợp đồng thế chấp và được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân nên xác định ngôi nhà đó là tài sản chung của vợ chồng. Mặc dù ông Sun J có văn bản cam kết về tài sản ngày 20/4/2016, nhưng bản cam kết chỉ xác định bà H được quyền sử dụng đất, không xác định ngôi nhà 3 tầng được xây dựng xong vào năm 2017 là tài sản riêng của bà H.

[2.2] – Ngày 15/3/2018 nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng khung nhận, thực hiện lệnh mua bán hợp đồng tiêu chuẩn về phái sinh hàng hóa có nội dung: khách hàng đăng ký với MB mở tài khoản ký quỹ và tài khoản giao dịch cho khách hàng tại MB để thực hiện các giao dịch hợp đồng tương lai, giá cả hàng hóa và hợp đồng tiêu chuẩn về quyền chọn hàng hóa ...

Thực hiện hợp đồng này, từ ngày 17/4/2018 đến ngày 24/8/2018, bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn tổng cộng 14.400.000.000 đồng.

Ngày 02/5/2020 bị đơn có đơn phản tố đề nghị Ngân hàng M trả bị đơn số tiền 14.400.000.000 đồng và bù trừ số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng trên.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là bỏ sót yêu cầu của đương sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do đó cần hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung vụ án.

[2.3] –Ông Sun J là người có quốc tịch Trung Quốc hiện đang ở tại địa chỉ 22 Elana Dr. North York, Ont, Canada, M3N 2C2, do đó được xác định vụ án có yếu tố nước ngoài. Căn cứ Điều 35; Điều 37; Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần giữ lại hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

Do hủy án sơ thẩm, nên nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, do đó tiền tạm ứng án phí phúc thẩm được hoàn lại.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Điều 68; Điều 73; Điều 148; Điều 200; Điều 201; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 19/2020/KDTM-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Giữ lại toàn bộ hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

2. Về án phí:

Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Ngân hàng M đã nộp được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

Hoàn trả cho Ngân hàng M, Công ty S và bà Nguyễn Thị Thu H, mỗi đương sự 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/0005529, số AA/2010/0005526 và số AA/2010/0005527 ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS huyện G, tp Hà Nội;
- TAND huyện G, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn